| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 225/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 10 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tiêu Hồng Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Ngọc N, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Mã C, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2019, nguyên đơn chị Trần Ngọc N trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Mã C tự nguyện chung sống với nhau năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cự cải, đánh nhau nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 06 năm 2019 cho đến nay. Tại phiên tòa chị N xác định tình cảm giữa chị với anh C không còn và

cũng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Chị N xác định không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Mã C, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh C không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không tham gia hòa giải và xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Mã C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị N với anh C tự nguyện chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Ngọc N với anh Mã C được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cự cãi, đánh nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân nhau từ tháng 06/2019 cho đến nay và mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai nữa. Mặt khác, tại phiên tòa chị N xác định không còn tình cảm với anh C và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh C được nữa, nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh C; đối với anh Mã C, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị N, nhưng anh C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N, điều này cho thấy anh C đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Ncho chị N được ly hôn với anh C là phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản và nợ: Chị N xác định trong thời gian chung sống chị N và anh C không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh C không có ý kiến gì về con chung, tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc N, cho chị Trần Ngọc N được ly hôn với anh Mã C.

2. Về án phí: Chị Trần Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009672 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Q, huyện Đ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tiêu Hồng Phượng**